

Bản án số: 40 /2023/DS-PT

Ngày 18. 4. 2023.

“V/v tranh chấp đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Mỹ Hải

Ông Nguyễn Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Phương Nam, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07,18 / 4 /2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp đất đai”.

Do có kháng cáo của ông Phan Hữu L là nguyên đơn đối với bản Dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Phan Hữu L, sinh năm: 1949

Nơi thường trú: Số nhà 177, đường Ngô Thì Nhậm, khối 3, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy và ông Nguyễn Thế Quý - Luật sư - Công ty Luật TNHH Tâm Trí Thịnh - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt

Bị đơn:

Ông Phan Hữu C, sinh năm: 1949 và bà Vũ Thị L, sinh năm: 1958

Cùng trú tại: Số nhà 1124/38/79, tổ 19, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Đinh Văn C, sinh năm: 1983.
Có mặt

Địa chỉ: Xóm 5, xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Hữu Liêm và bà Bùi Thị Thanh - Văn phòng Luật sư Tuổi Trẻ - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An.

Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị S, sinh năm: 1959

Nơi thường trú: Số nhà 177, đường Ngô Thì Nhậm, khối 3, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ A. Có mặt

- Anh Đậu Đình M, sinh năm: 1972 . Có mặt

Địa chỉ: Xóm 6, xã Xuân L, huyện Nam Đ, tỉnh N

- Anh Đinh Văn C, sinh năm: 1983. Có mặt

Địa chỉ: Xóm 5, xã Xuân L, huyện Nam Đ, tỉnh N

- Anh Trần Xuân T, sinh năm: 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 5, xã Xuân L, huyện Nam Đ, tỉnh N.

Người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn:

1. Ông Phan Hữu T

2. Ông Phan Đình Đông

3. Ông Phan Hữu Quế

4. Ông Phan Hữu Trọng

5. Bà Nguyễn Thị Siêng

Đều trú tại: Xóm 6, xã Xuân L, huyện Nam Đ, tỉnh N

6. Bà Phan Thị H

7. Anh Dương Văn H

Đại chỉ: Số nhà 177, đường Ngô Thì Nhậm, khối 3, phường Trung Đ, thành phố V, tỉnh N

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Hữu L - Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2021, 13/7/2021, 16/7/2021, bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Thửa số 805, tờ bản đồ số 01, Xã T, huyện N, tỉnh N là của vợ chồng nguyên đơn được Hợp tác xã cấp năm 1980, việc cấp đất không có giấy tờ gì. Sau khi

được cấp đất thì gia đình nguyên đơn làm nhà để vợ, con nguyên đơn và bà Hoàng Thị Sáu sinh sống còn nguyên đơn sinh sống ở huyện Tương Dương, thỉnh thoảng về thăm nhà. Đến năm 1987 thì vợ con nguyên đơn chuyển về Diễn Châu sinh sống, nguyên đơn sinh sống ở Tương Dương nên không sử dụng thửa đất trên, không kê khai, đăng ký đất đai mà bà Hoàng Thị Sáu (là mẹ của nguyên đơn) tiếp tục sử dụng. Năm 1990 gia đình nguyên đơn cho ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L mượn để ở nhưng không có giấy mượn. Năm 1996 UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị L mà nguyên đơn không biết. Đến khoảng năm 2015 thì nguyên đơn biết đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị L nhưng nguyên đơn không khiếu nại gì vì nghĩ là anh em. Năm 2020 ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L đã bán anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C. Việc thỏa thuận mua bán đất nguyên đơn không biết. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L trả lại cho gia đình nguyên đơn $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất trên và tài sản trên đất, nguyên đơn không liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng đất.

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ bị đơn ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L thống nhất trình bày: Thửa số 805, tờ bản đồ số 01 nay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 03, Xã T, huyện N, tỉnh N có nguồn gốc là Hợp tác xã Nam Mỹ cấp cho gia đình bị đơn vào năm 1990. Năm 1990 gia đình bị đơn đã làm nhà ở, hiện đang còn ghi năm làm nhà là 1990. Sau khi làm xong nhà thì bị đơn đưa bà Hoàng Thị Sáu về sống cùng. Tại thời điểm xây nhà thì trên đất có 01 ngôi nhà gỗ nhỏ đã mục nát và 01 ngôi nhà ngang đã xuống cấp nên gia đình đã dỡ bỏ và cho ông Phan Hữu T mang gỗ về sau đó ông Trung cho bà Phan Thị Cảnh còn ngôi nhà ngang gia đình bị đơn có sửa lại và hiện vẫn còn nhưng không có giá trị sử dụng. Gia đình bị đơn trực tiếp sinh sống, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Năm 1996 UBND huyện Nam Đàn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị L. Sổ mục kê, sổ địa chính đều xác định chủ sử dụng là bà Vũ Thị L. Năm 1998 gia đình bị đơn chuyển vào Đồng Nai sinh sống nhưng hộ khẩu vẫn còn tại địa phương cho đến nay. Từ năm 1987 đến nay ông Phan Hữu L và bà Cao Thị S không sinh sống tại địa phương, không kê khai quyền sử dụng đất và không có tên trong bất cứ tài liệu về đất đai lưu tại xã. Việc ông Phan Hữu L khai cho gia đình bị đơn mượn đất là không có cơ sở mà đó là đất gia đình bị đơn được cấp. Gia đình bị đơn sử dụng ổn định cho đến thời điểm chuyển nhượng, không ai tranh chấp. Thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp nên gia đình bị đơn có quyền chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của pháp luật. Do gia đình bị đơn sinh sống ở Đồng Nai và không có nhu cầu sử dụng thửa đất trên nên ngày 13/10/2020 đã chuyển nhượng cho anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện minh bạch, công khai, đúng quy định của pháp luật. Giữa bên chuyển nhượng và bên nhận

chuyển nhượng không có tranh chấp gì, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C nên thửa đất đó thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông Phan Hữu L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị S thống nhất lời khai và yêu cầu giống nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C thống nhất trình bày: Ngày 13/10/2020 anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C chung nhau mua của ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L thửa đất số 805, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 03) xóm 6, xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Khi nhận chuyển nhượng, đất không có tranh chấp, đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại Điều 188 Luật Đất đai. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được thực hiện đúng trình tự thủ tục nên ngày 05/11/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 619123 mang tên anh Đình Văn C và anh Đậu Đình M. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định pháp luật, các bên không có ý kiến gì tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C. Ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L không có quyền gì đối với thửa đất trên. Vì vậy, anh Đậu Đình M và anh Đình Văn C không chấp nhận việc ông Phan Hữu L khởi kiện yêu cầu ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L trả lại $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân Tình trình bày: Tháng 6/2021 anh Trần Xuân Tình có thuê ki ốt của anh Đậu Đình M với giá 200.000 đồng/tháng. Từ khi thuê đến nay anh Trần Xuân Tình không xây dựng, sửa sang gì mà vẫn giữ nguyên hiện trạng. Khi nào anh Đậu Đình M yêu cầu anh Trần Xuân Tình sẽ trả ki ốt theo thỏa thuận mà không có yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Phan Hữu T và ông Phan Hữu H thống nhất trình bày: Thửa đất đang tranh chấp là của ông Phan Hữu L và bà Cao Thị S được Hợp tác xã cấp cho ra ở riêng vào năm 1980, mặc dù không có giấy tờ gì nhưng thực tế đúng như vậy. Năm 1990 gia đình hợp và thống nhất cho ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L mượn đất của ông Phan Hữu L và bà Cao Thị S để ở. Việc mượn đất, nhà không có giấy tờ gì mà do anh em thỏa thuận miệng. Hiện tại đã chuyển nhượng cho người khác mà anh em trong gia đình hoàn toàn không biết. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L trả lại toàn bộ đất đai và tài sản trên đất cho vợ chồng ông Phan Hữu L và bà Cao Thị S. Việc trả bằng đất hay bằng tiền thì do hai bên thỏa thuận. Ông Phan Hữu T và ông Phan Hữu H không yêu cầu quyền lợi gì đối với thửa đất đó.

Với nội dung trên, Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ vào Điều 3, khoản 2 Điều 14, Điều 17, Điều 18 Luật Đất đai 1987; khoản 5 Điều 26, các Điều 95, 97, 98, 100, 166, 167, 168, 188, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 236, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 156, 157, 164 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu L về việc yêu cầu ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L trả lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất tại thửa số 805, tờ bản đồ số 01 (đo đạc cũ) nay là thửa số 25, tờ bản đồ số 03, Xã T, huyện N, tỉnh N

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Hữu L.

3. Về các chi phí tố tụng: Ông Phan Hữu L phải chịu 5.021.000 đồng (Năm triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Phan Hữu L đã nộp đủ các chi phí trên.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 / 4 /2022, ông Phan Hữu L kháng cáo với nội dung; Đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án; truy cứu lại nguồn gốc thửa đất; trả lại thửa đất cho vợ chồng ông; xem xét việc cấp bìa cho bà Vũ Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau. Bị đơn là ông Phan Hữu C giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày luận cứ:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thiếu sót trong việc xác định người tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Căn cứ xác định thửa đất đang tranh chấp của bà Hoàng Thị Sáu đã sử dụng từ 1980 đến 2015, nhưng không đưa các con của bà Sáu tham gia tố tụng.

Vi phạm trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ. Cấp sơ thẩm không lấy lời khai của những người cao tuổi trong xóm, chỉ lấy lời khai của những người không biết rõ về nguồn gốc đất và không thực hiện lấy lời khai của người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn và không thực hiện đối chất khi lời khai mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn.

Việc thẩm định tại chỗ không đúng quy định tại khoản 2 Điều 101 BLTTDS; Hội đồng định giá không đầy đủ và không đúng quy định theo khoản 4 Điều 104 BLTTDS.

Tòa sơ thẩm không xác định đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện toàn bộ thửa đất, Tòa sơ thẩm xác định đòi 1/2 thửa đất là không đầy đủ.

Về nội dung: Bản án xác định thửa đất tranh chấp là của ông Công bà Lộc được giao hợp pháp là không đúng vì căn cứ lời khai của những người làm chứng thể hiện thửa đất tranh chấp có nguồn gốc do Hợp tác xã Xuân Lâm 2 cấp cho gia đình ông L, bà S chứ không phải cấp cho ông Công và bà Lộc. và quá trình sử dụng đất bà Sáu sử dụng từ năm 1980 đến năm 2015. Quá trình sử dụng đất ông L và bà Sáu chưa từ bỏ quyền sử dụng đất.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lộc là sai, nhưng do thiếu hiểu biết nên không khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đáng lẽ Tòa án phải hướng dẫn nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 34 BLTTDS để giải quyết triệt để vụ án.

Do đó, đề nghị Hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày luận cứ:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn khởi kiện cho rằng thửa đất nêu trên là của vợ chồng nguyên đơn là ông L và bà S là không có căn cứ vì nguyên đơn không xuất trình tài liệu thể hiện thửa đất tranh chấp là của gia đình nguyên đơn.

Về nguồn gốc theo ông L và bà S đất được Hợp tác xã cấp cho ông L và bà S năm 1980 nhưng không có tài liệu chứng minh. Căn cứ bản đồ 299 thể hiện hiện trạng đất do UBND xã quản lý. Từ năm 1990 bà Lộc đã sinh sống trên thửa đất và thực hiện các nghĩa vụ của nhà nước đối với thửa đất tranh chấp, năm 1996 được UBND huyện Nam Đàn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị L. Do đó, việc người bảo vệ quyền lợi ích cho nguyên đơn cho rằng thửa đất nêu được HTX giao cho gia đình nguyên đơn không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông Phan Hữu L hợp lệ nên chấp nhận để xem xét.

Về nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hữu L, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Hữu L Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất:

Theo nguyên đơn trình bày thửa đất tranh chấp là được Hợp tác xã cấp cho ông năm 1980 theo diện gia đình nhiều dâu.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ nội dung Công văn số 67 ngày 14/10/2021 của UBND xã Xuân Lâm; hồ sơ địa chính thửa đất tranh chấp thì: Thửa đất số 805, tờ bản đồ số 01 nay thửa số 25, tờ bản đồ số 3, xóm 6 xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thể hiện theo bản đồ 299 thửa đất có một phần trong khu hoang hóa. Theo sổ mục kê, sổ địa chính lập năm 1993 thì thửa đất có diện tích 1015m² gồm đất ở và đất vườn, chủ sử dụng đất bà Vũ Thị L. Từ năm 1990 bà Lộc làm nhà kiên cố và sử dụng ổn định. Như vậy, về nguồn gốc thửa đất nêu trên được bị đơn sử dụng ổn định từ năm 1990 đến năm 2020 không có tranh chấp. Từ năm 1990 đến nay bà Lộc thực hiện đúng quy định của nhà nước về các nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất nói trên. Mặt khác, quá trình quản lý, sử dụng đất liên tục, công khai từ năm 1990 đến năm 2020 (30 năm) không xảy ra bất kì khiếu nại, tranh chấp nào liên quan đến thửa đất trên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông L cho rằng gia đình ông được HTX cấp đất năm 1980, nên thuộc quyền sử dụng của ông tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu do Ủy ban nhân dân xã cung cấp thì trước năm 1990 thửa đất là đất hoang không phải đất khu dân cư và quá trình giải quyết vụ án ông L không có tài liệu chứng cứ chứng minh thửa đất được HTX giao thuộc quyền sử dụng của ông cũng như từ trước cho đến

nay ông L không kê khai, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về quyền sử dụng thửa đất trên.

Năm 1996, trên cơ sở đất đã được Hợp tác xã giao cho bà Lộc trước đó, UBND huyện Nam Đàn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 805, tờ bản đồ số 1 tại xóm 6 xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn cho bà Vũ Thị L là có căn cứ và sau khi bà Lộc được cấp giấy CNQSD đất không có ai khiếu nại tranh chấp. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Hữu L thừa nhận năm 2015 biết thửa đất tranh chấp đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị L nhưng ông không có ý kiến gì. Do bà L bán thửa đất nêu trên cho người khác nên mới xảy ra tranh chấp và ông mới khởi kiện đòi lại đất. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", do đó bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại ½ thửa đất của ông L là có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay ông L, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông L đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì không đưa đầy đủ các con của bà Sáu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, vi phạm thủ tục định giá, chưa xem xét đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông L, ông Trung đều cho rằng thửa đất tranh chấp là của ông Phan Hữu L và bà Cao Thị S, không phải là của bà Hoàng Thị Sáu là phù hợp nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Đối với thủ tục định giá sau khi có kết quả định giá Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn đã thông báo kết quả định giá tới các đương sự nhưng ông L, bà S không có ý kiến gì đối với kết quả định giá. Đối với ý kiến không xem xét hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng ngày 10/3/2022 (BL 103) ông Phan Hữu L và bà Cao Thị S xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L trả lại 1/2 diện tích đất tranh chấp nên Tòa án sơ thẩm giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và yêu cầu thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cấp sơ thẩm giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với nội dung ông L yêu cầu xem xét hủy giấy CNQSD đất do UBND huyện Nam Đàn cấp cho bà Lộc và ông Trung yêu cầu trả lại trị giá tài sản cây cối trồng trên đất. Tại cấp sơ thẩm ông L, ông T không yêu cầu, Tòa án sơ thẩm không được xem xét nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 BLTTDS.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người làm chứng cho rằng thửa đất đang tranh chấp là của ông L và bà S nhưng lời khai không phù hợp với tài liệu lưu giữ

tại các Cơ quan có thẩm quyền mà Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ, kháng cáo của ông Phan Hữu L không được chấp nhận nên phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ đã thực hiện xong.

[4]. Về án phí: Do ông Phan Hữu L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 308 BLTTDS; Bác toàn bộ kháng cáo của ông Phan Hữu L
Căn cứ vào Điều 3, khoản 2 Điều 14, Điều 17, Điều 18 Luật Đất đai 1987; khoản 5 Điều 26, các Điều 95, 97, 98, 100, 166, 167, 168, 188, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 236, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự; các Điều 148, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu L về việc yêu cầu ông Phan Hữu C và bà Vũ Thị L trả lại ½ diện tích đất tại thửa số 805, tờ bản đồ số 01 (đo đạc cũ) nay là thửa số 25, tờ bản đồ số 03, Xã T, huyện N, tỉnh N

2. Về án phí: Ông Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Hữu L.

3. Về các chi phí tố tụng: Ông Phan Hữu L phải chịu tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Phan Hữu L đã nộp đủ các chi phí trên.

4. Về án phí: Ông Phan Hữu L không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án Dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu Hsơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hải Minh